

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DỮNG SỸ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DỮNG SỸ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110305029

**3. Ngày thành lập:** 30/03/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Đại Đồng , Xã Đại Mạch, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0332323173

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                  | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn, cửa cuốn, cửa tự động                                                                                                                                               | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4390        |
| 5.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Không kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                   | 4662        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>+ Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>+ Bán buôn xi măng;<br>+ Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>+ Bán buôn kính xây dựng;<br>+ Bán buôn sơn, vécni;<br>+ Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>+ Bán buôn đồ ngũ kim; | 4663        |
| 7.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                             | 6810        |
| 8.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội ngoại thất                                                                                                                                                                                                                                         | 7410        |
| 9.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3320        |
| 10. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4101(Chính) |
| 11. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4102        |
| 12. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4211        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212 |
| 14. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221 |
| 15. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222 |
| 16. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223 |
| 17. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229 |
| 18. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291 |
| 19. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292 |
| 20. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293 |
| 21. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 22. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 23. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312 |
| 24. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 25. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 26. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 4.800.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN VĂN SỸ

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 22/10/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001086016712

Ngày cấp: 14/08/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Bồng Mạc, Xã Liên Mạc, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Bồng Mạc, Xã Liên Mạc, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN SỸ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/10/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001086016712

Ngày cấp: 14/08/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Bồng Mạc, Xã Liên Mạc, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Bồng Mạc, Xã Liên Mạc, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội